

# Các yếu tố ảnh hưởng mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid-19 của người dân

HOÀNG TRỌNG<sup>1</sup>, NGUYỄN DUY DIỆU<sup>2</sup> & LÊ HỒNG ĐẮC<sup>3, \*</sup>

<sup>1,2</sup> Đại học Kinh tế TP.HCM

<sup>3</sup> Viện Đào Tạo Quốc Tế Hutech

Nhận bài: 24/09/2022 - Duyệt đăng: 15/12/2022

(\*) Liên hệ: lehongdac@gmail.com - ĐT: 0903708485

## Tóm tắt:

**V**iệc người dân chấp nhận tiêm chủng ngừa Covid-19 là vấn đề rất quan trọng. Bài nghiên cứu này giúp chúng ta nhìn nhận ra được các vấn đề có thể tác động đến khả năng chấp nhận tiêm ngừa Covid-19. Một nghiên cứu cắt ngang đã lấy mẫu thuận tiện trên 258 người từ 18 tuổi trở lên tại hai khu vực thuộc tỉnh Khánh Hòa là thành phố Nha Trang và huyện Vạn Ninh. Dữ liệu được thu thập dựa trên khảo sát trực tuyến thông qua Google biểu mẫu. Yếu tố tác động đến mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid-19 lần lượt theo mức độ giảm dần là: tín hiệu hành động, nhận thức lợi ích của tiêm chủng, rào cản về độ tin cậy vaccine và khả năng lây nhiễm khi tiêm, nhận thức sự nguy hiểm của bệnh. Việc chấp nhận tiêm ngừa của người dân không bị ảnh hưởng bởi những yếu tố nhân khẩu học như giới tính, nơi ở, độ tuổi và học vấn. Từ các kết quả nghiên cứu, các khuyến nghị được đề xuất để tăng mức độ chấp nhận tiêm chủng vaccine ngừa Covid của người dân.

**Từ khóa:** Covid-19, tiêm chủng, chấp nhận vaccine, mô hình niềm tin sức khỏe (HBM).

## Abstract:

It is very important that people accept the Covid-19 vaccination. This study helps us to identify issues that may impact acceptability of the Covid-19 vaccine. A cross-sectional study conducted convenience sampling on 258 people aged 18 years and over in two areas of Khanh Hoa province, Nha Trang city and Van Ninh district. Data was collected based on an online survey through Google forms. Factors affecting the level of acceptance of Covid-19 vaccination in descending order are: action signals, perceived benefits of vaccination, barriers to vaccine reliability and the possibility of infection when injected, aware of the danger of the disease. People's acceptance of vaccination was not influenced by demographic factors such as gender, place of residence, age and education. From the research results, recommendations are proposed to increase the level of acceptance of vaccination against Covid by the population.

**Keywords:** Covid-19, vaccination, vaccine acceptance, health belief model (HBM).

## 1. Giới thiệu

Hiện nay, vấn đề đang được quan tâm nhiều nhất trên toàn thế giới nói chung và VN nói riêng là dịch bệnh Covid-19. Covid-19 là tên gọi của bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra. Bệnh bắt đầu bùng phát tại Vũ Hán

(Trung Quốc) vào tháng 12 năm 2019 và lây lan sang các quốc gia. Tại VN, ca nhiễm đầu tiên được phát hiện vào cuối tháng 1 năm 2020 tại TP.HCM.

Đến thời điểm hiện tại, dịch bệnh ngày càng trở nên phức tạp và chưa biết khi nào kết thúc. Trước đại dịch Covid-19,

thế giới đã từng chiến đấu với Ebola, SARS và nhiều lần dịch cúm lợn có quy mô lớn, nhưng không có loại dịch nào dễ lây lan như Covid-19 và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế, xã hội. Điều đó cho thấy sự ảnh hưởng và nguy hiểm của Covid-19.

Để phòng chống dịch bệnh, từ tháng 3 năm 2021 chính phủ VN đã bắt đầu triển khai tiêm phòng Covid-19. Tuy nhiên, việc triển khai chưa được bao lâu thì xuất hiện một vài thông tin tiêu cực đối với quyết định này của Chính phủ. Nhiều người sau khi tiêm phòng có hiện tượng sốc phản vệ, thậm chí có người bị tử vong, điều đó đã ảnh hưởng không ít đến ý định tiêm phòng của người dân. Bên cạnh đó, đã có người nghi ngờ về xuất xứ cũng như chất lượng của vaccine và lan truyền những thông tin không thật lên mạng xã hội, điều đó đã gây ra hoang mang trong dư luận và thậm chí gây ra sự phản đối tiêm ngừa phòng chống Covid về phía người dân. Do đó, cần phải hiểu yếu tố ảnh hưởng đến mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid của người dân để có những chính sách củng cố lòng dân và góp phần đẩy lùi dịch bệnh.

Nghiên cứu này giúp xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid của người dân ở tỉnh Khánh Hòa, qua đó biết được tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất một số khuyến nghị giúp lực lượng phòng, chống dịch có những phương pháp sớm khắc phục được vấn đề.

Nghiên cứu này chỉ giới hạn ở hai khu vực tỉnh Khánh Hòa: thành phố Nha Trang và huyện Vạn Ninh. Đối tượng khảo sát là các công dân từ 18 tuổi trở lên là độ tuổi tối thiểu được tiêm vaccine Covid-19 theo nghị quyết số 21 của Chính phủ “Về mua và sử dụng vắc xin phòng Covid-19” (ngày 26/2/2021).

Nghiên cứu này sử dụng cách tiếp cận định tính và định lượng.

Nghiên cứu định tính nhằm mục đích chính là xây dựng, điều chỉnh và bổ sung các thang đo. Nghiên cứu định lượng là nghiên cứu chính thức và được thực hiện sau khi kết thúc nghiên cứu định tính, dùng để đo lường các yếu tố và kiểm định mối liên hệ giữa các biến nguyên nhân và biến kết quả.

Thuyết hành vi dự định (TPB) của Ajzen (1991) là một trong những lý thuyết quan trọng trong lĩnh vực nghiên cứu về hành vi của con người. Nguyễn Thị Phương Thảo (2018) đã chứng minh rằng thuyết hành vi dự định có tác động đến quyết định tiêm phòng vaccine ngừa ung thư cổ tử cung của người dân. Tương tự, mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid của người dân cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi thuyết hành vi dự định. Cụ thể, thái độ đối với việc tiêm ngừa Covid được phản ánh qua lòng tin vào sự an toàn, hiệu quả của việc tiêm vaccine, chuẩn chủ quan chính là tác động bên ngoài xuất phát từ những người xung quanh bạn như: gia đình, bạn bè, đồng nghiệp,... và khả năng kiểm soát hành vi là khả năng nhận thức được sự dễ dàng hay khó khăn trong việc thực hiện hành vi, được phản ánh qua sự hiểu biết về vaccine, thời gian tiêm ngừa,... Mô hình niềm tin sức khỏe (HBM) được coi là khuôn khổ và được sử dụng rộng rãi trong những nghiên cứu về dự đoán chấp nhận tiêm chủng của cộng đồng. Nghiên cứu của Karen M. Hilyard và cộng sự (2014) đã sử dụng mô hình niềm tin sức khỏe làm khuôn khổ về chấp nhận vaccine (H1N1). Tại Trung Quốc, Walker, A. N. và cộng sự (2021) đã chỉ ra rằng

sự chấp nhận vaccine Covid-19 khác nhau giữa nơi cư trú, chương trình học, châu lục xuất xứ, kiến thức, tính nhạy cảm, mức độ nghiêm trọng, lợi ích và dấu hiệu hành động của người trả lời. Nghiên cứu của Bernard Gonik (2006) chỉ ra rằng, khả năng chấp nhận tiêm ngừa vaccine HPV nếu vaccine có hiệu quả, an toàn, giá cả hợp lý và còn bị ảnh hưởng bởi nhận thức sự nghiêm trọng của việc nhiễm HPV và lợi ích của việc tiêm chủng. Tại VN, trong nghiên cứu vào tháng 5/2021 Giao Huỳnh và cộng sự cho ra kết quả là hầu hết những người tham gia đều có niềm tin tích cực về việc tiêm vaccine Covid-19, các yếu tố: kiến thức, nhận thức tính nhạy cảm và mức độ nghiêm trọng, tín hiệu hành động, lợi ích của việc tiêm chủng và rào cản có ảnh hưởng đến việc chấp nhận tiêm chủng và yếu tố tác động mạnh nhất là kiến thức và tín hiệu hành động.

## 2. Giả thuyết nghiên cứu và mô hình nghiên cứu

Kiến thức: kiến thức về vaccine tiêm phòng Covid-19 là một trong những yếu tố phản ánh khả năng kiểm soát hành vi là thành phần trong thuyết hành vi dự định (TPB). Nghiên cứu tương tự về quyết định tiêm phòng vaccine ngừa ung thư cổ tử cung của Nguyễn Thị Phương Thảo (2018) đã khẳng định rằng kiến thức về vaccine phòng ung thư cổ tử cung có ảnh hưởng tích cực đến quyết định tiêm phòng ung thư cổ tử cung. Do đó, giả thuyết nghiên cứu H1 được đề xuất.

*Giả thuyết H1: Kiến thức về vaccine tiêm phòng Covid-19 càng cao thì mức độ chấp nhận*

tiêm ngừa của người dân càng cao.

Nguy cơ mắc bệnh: phản ánh thành phần nhận thức tính nhạy cảm trong mô hình niềm tin sức khỏe (HBM), khi người dân cảm thấy khả năng mắc bệnh của bản thân càng cao sẽ thúc đẩy ý định tiêm ngừa càng cao. Do đó, giả thuyết nghiên cứu H2 được đề xuất.

*Giả thuyết H2: Nhận thức nguy cơ mắc bệnh càng cao thì mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid càng cao.*

Sự nguy hiểm của bệnh: phản ánh thành phần nhận thức mức độ nghiêm trọng trong mô hình HBM. Trong thực tế, những người có quyết định nhanh chóng về việc tiêm ngừa Covid đã số họ đã nhận thức được mối nguy hại và sự nguy hiểm của bệnh Covid-19. Ngoài ra, trong nghiên cứu có liên quan của Bernard Gonik (2006) về chấp nhận vaccine HPV, đã chỉ ra rằng khả năng chấp nhận tiêm ngừa còn bị ảnh hưởng bởi nhận thức sự nghiêm trọng của việc nhiễm HPV. Do đó, giả thuyết nghiên cứu H3 được đề xuất.

*Giả thuyết H3: Nhận thức được sự nguy hiểm của bệnh càng cao thì mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid càng cao.*

Lợi ích tiêm chủng: phản ánh thành phần nhận thức về những lợi ích trong mô hình HBM. Cũng trong nghiên cứu của Bernard Gonik (2006), lợi ích của việc tiêm chủng có ảnh hưởng đến khả năng chấp nhận tiêm ngừa. Do đó, giả thuyết nghiên cứu H4 được đề xuất.

*Giả thuyết H4: Nhận thức được lợi ích của việc tiêm chủng càng cao thì mức độ chấp nhận*

*tiêm ngừa Covid càng cao.*

Rào cản: là thành phần trong mô hình HBM. Thực tế cho thấy, đối với những hành vi khiến bản thân cảm thấy khó khăn, mất nhiều công sức hay thời gian,... sẽ làm giảm khả năng quyết định thực hiện hành vi đó. Do đó, giả thuyết nghiên cứu H5 được đề xuất.

*Giả thuyết H5: Cảm nhận về sự rào cản càng cao thì mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid càng thấp.*

Tín hiệu hành động: là thành phần trong mô hình HBM, ở bài nghiên cứu của Karen M. Hilyard và cộng sự (2014) về tín hiệu hành động có tác động đến chấp nhận vaccine H1N1. Bên cạnh đó, nhận thấy rằng tín hiệu hành động thuộc mô hình HBM đã bao gồm yếu tố chuẩn chủ quan trong mô hình TPB. Do đó, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất:

*Giả thuyết H6: Tín hiệu hành động càng cao thì mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid càng cao.*

Các giả thuyết nghiên cứu này được tổng hợp thành mô hình nghiên cứu như diễn tả ở Hình 1.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

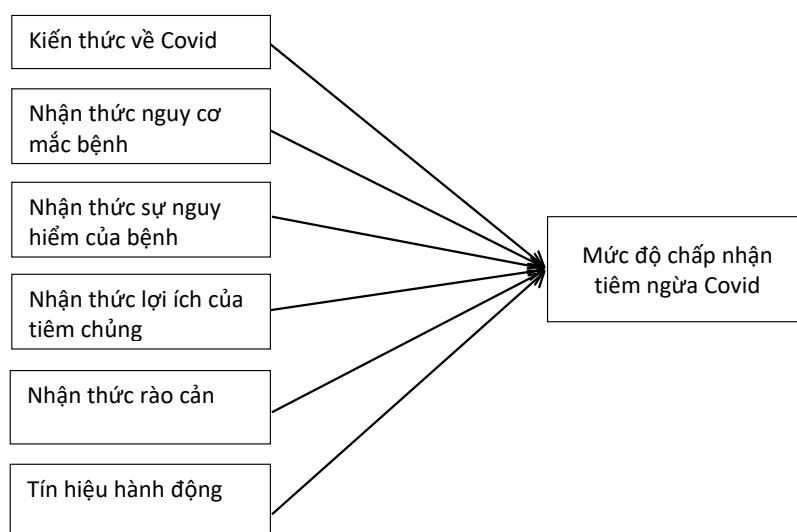
### 3.1 Xây dựng thang đo và câu hỏi chính cho khảo sát:

Tác giả tham khảo các thang đo từ ba nguồn chính đó là nghiên cứu của Mohamed NA và Cộng sự (2021), nghiên cứu của Walker, A. N. và Cộng sự (2021), nghiên cứu của Giao Huỳnh và cộng sự (5/2021). Sau đó, thực hiện nghiên cứu định tính với bộ câu hỏi mở (khảo sát 6 người) dựa trên các thang đo nhằm chỉnh sửa hoặc bổ sung các biến quan sát trong thang đo. Tiếp theo, tác giả xây dựng bảng câu hỏi và thực hiện nghiên cứu định lượng, sử dụng thang đo kiểu Likert với 5 mức độ.

### 3.2 Thu thập dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu sơ cấp. Vì tình hình dịch bệnh phức tạp nên dữ liệu sơ cấp được thu thập từ việc khảo sát trực tuyến đối tượng nghiên cứu

Hình 1: Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid của người dân



Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

**Bảng 1: Các mục hỏi về kiến thức Vaccine Covid**

|                                                                                                                                                                                              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Vaccine Covid-19 sử dụng vật liệu di truyền từ coronavirus làm thành phần hoạt tính.*                                                                                                        |
| Vaccine Covid-19 kích thích cơ thể chúng ta sản sinh ra kháng thể, tế bào T và tế bào ghi nhớ để chống lại sự lây nhiễm Covid-19. *                                                          |
| Sản xuất vaccine bao gồm nghiên cứu động vật, 3 giai đoạn thử nghiệm lâm sàng trên hàng nghìn người và được cơ quan có thẩm quyền đánh giá để đảm bảo tính hiệu quả và an toàn của vaccine.* |
| Thuốc chủng ngừa Covid-19 sẽ được cho vào cơ thể qua đường tiêm.*                                                                                                                            |
| Vaccine Covid-19 không có tác dụng phụ.                                                                                                                                                      |
| Tất cả mọi người kể cả trẻ em đều có thể tiêm vaccine Covid-19.                                                                                                                              |
| Thuốc chủng ngừa Covid-19 cũng có thể bảo vệ chúng ta khỏi bệnh cúm.                                                                                                                         |
| Tiêm phòng rất khuyến khích cho những người có nguy cơ cao.*                                                                                                                                 |
| Các bệnh có thể phòng ngừa bằng vaccine không nguy hiểm lắm; do đó, không cần phải chủng ngừa.                                                                                               |
| Tiêm phòng không hiệu quả và không phòng bệnh.                                                                                                                                               |
| Mọi người vẫn cần thực hiện các biện pháp phòng ngừa như: đeo khẩu trang, rửa tay, giãn cách xã hội,... sau khi tiêm phòng.*                                                                 |
| Một người đang bị nhiễm vẫn có thể tiêm vaccine.                                                                                                                                             |
| Một người đã từng nhiễm vẫn có thể tiêm vaccine.*                                                                                                                                            |

Các mục hỏi được đánh dấu \* tương ứng là kiến thức đúng.

Nguồn: Mohamed NA và cộng sự

qua google form bằng bảng câu hỏi được thiết kế sẵn. Bản câu hỏi được thiết kế bao gồm các phần: câu hỏi gọn lọc, câu hỏi chính (kiến thức, nhận thức nguy cơ mắc bệnh, nhận thức lợi ích của tiêm chủng, nhận thức rào cản, tín hiệu hành động và mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid). Việc thu thập được thực hiện trong đợt cao điểm dịch tháng 9 năm 2021.

### 3.3 Phương pháp phân tích

Đối với biến Kiến thức, có tổng cộng 13 câu hỏi dạng đúng – sai, với mỗi câu trả lời đúng tương ứng đạt được 100/13 xấp xỉ 7.7%. Nếu sau 13 câu trả lời đạt được trên 60% thì được cho là có kiến thức tốt và ngược lại. Ở sáu biến còn lại, tác giả sẽ đánh giá độ tin cậy của thang đo với Cronbach Alpha, và đánh giá độ giá trị của thang đo với phân tích nhân tố khám phá (EFA). Sau đó và đóng vai trò là biến nguyên nhân, biến kết quả trong mô hình hồi quy đa biến. Tiếp theo, phân tích hồi quy đa biến được sử dụng để kiểm định mô

hình nghiên cứu, trong đó biến Kiến thức được đưa vào dưới dạng biến giả nhị phân.

### 4. Kết quả nghiên cứu

#### 4.1 Đặc điểm nhân khẩu học

Mẫu khảo sát có 211 người, trong đó nam chiếm 25,6% và nữ chiếm 75,4%. Có 60,2% người dân sinh sống tại huyện Vạn Ninh và 39,8% người sống tại thành phố Nha Trang. Độ tuổi từ 18 đến 25 tuổi chiếm đa số với 65,4%, đây là độ tuổi dễ dàng tiếp cận khảo sát trực tuyến nhất và ở ba độ tuổi còn lại phần trăm xấp xỉ ngang nhau là khá thấp 26 đến 35 tuổi (14.2%), 36 đến 50 tuổi (9.5%) và trên 50 tuổi (10.9%). Với độ tuổi đó, mẫu khảo sát đa phần là người đang đi học (54%), có thu nhập dưới 5 triệu là chủ yếu (53.1%). Bên cạnh đó, đối tượng tham gia khảo sát đa phần không tham gia công tác tình nguyện có 180 người chiếm 85,3% dữ liệu mẫu và 31 người còn lại tương ứng với 14,7% có tham gia công tác tình nguyện trong đợt dịch này.

#### 4.2 Kiến thức

Bằng phương pháp phân tích

đã được trình bày ở Mục 3.3, kết quả cho thấy phần lớn người tham gia khảo sát đều có kiến thức tốt về vaccine Covid-19, có 201 người có kiến thức tốt tương đương với 95.3% và chỉ có 10 người trong số 211 người có kiến thức chưa tốt chỉ chiếm 4.7%.

#### 4.3 Các thang đo

Đầu tiên tác giả kiểm định độ tin cậy thang đo bằng Cronbach Alpha. Tiếp theo phân tích nhân tố khám phá EFA được dùng để kiểm tra độ giá trị của thang đo và tính ra các nhân tố phù hợp. Kết quả được trình bày trong Bảng 2.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy yếu tố nhận thức rào cản được tách thành hai nhân tố là (1) rào cản về độ tin cậy của vaccine và khả năng lây nhiễm khi tiêm và (2) rào cản về tác dụng phụ của vaccine. Do đó tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu được điều chỉnh như trong Hình 2.

#### Hồi quy đa biến

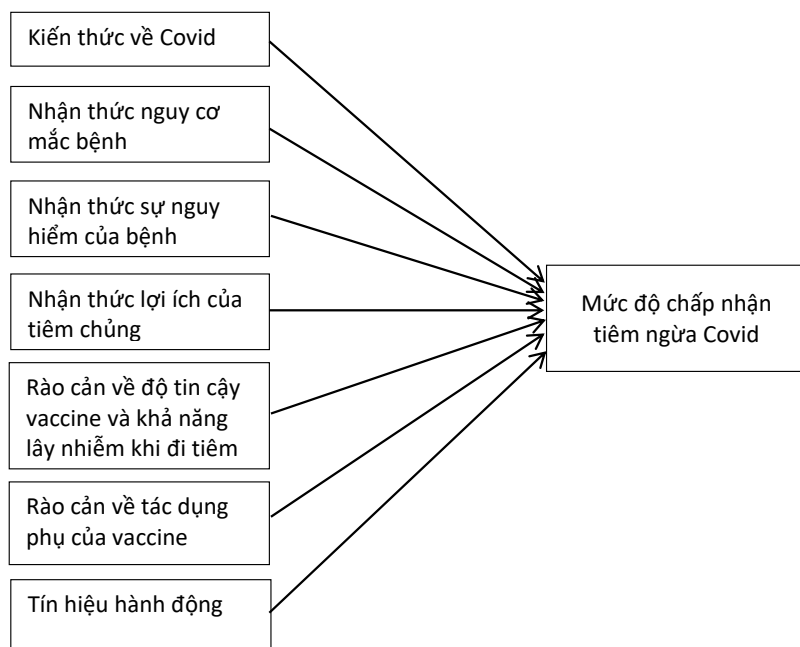
Từ kết quả phân tích nhân tố khám phá, tác giả tính các trị số nhân tố tương ứng với từng biến

**Bảng 2: Kết quả Cronbach Alpha và EFA**

|                                                                                                                                   | Nhận thức nguy cơ mắc bệnh | Nhận thức sự nguy hiểm của bệnh | Tín hiệu hành động | Rào cản về độ tin cậy vaccine và khả năng lây nhiễm khi đi tiêm | Mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid | Rào cản về tác dụng phụ của vaccine | Nhận thức lợi ích của tiêm chủng |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|
| Tôi lo lắng về khả năng bị nhiễm Covid-19.                                                                                        | 0.818                      |                                 |                    |                                                                 |                                  |                                     |                                  |
| Khả năng khiến tôi tiếp xúc với Covid-19 là rất cao.                                                                              | 0.777                      |                                 |                    |                                                                 |                                  |                                     |                                  |
| Hiện tại tôi có khả năng bị nhiễm Covid-19.                                                                                       | 0.740                      |                                 |                    |                                                                 |                                  |                                     |                                  |
| Tôi lo lắng về việc những người xung quanh tôi bị nhiễm Covid-19.                                                                 | 0.732                      |                                 |                    |                                                                 |                                  |                                     |                                  |
| Các biến chứng của Covid-19 rất nghiêm trọng.                                                                                     |                            | 0.771                           |                    |                                                                 |                                  |                                     |                                  |
| Covid-19 đã gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe của tôi.                                                                        |                            | 0.669                           |                    |                                                                 |                                  |                                     |                                  |
| Cơ thể tôi sẽ rất mệt mỏi nếu tôi bị nhiễm Covid-19                                                                               |                            | 0.658                           |                    |                                                                 |                                  |                                     |                                  |
| Khả năng lây nhiễm Covid-19 rất cao                                                                                               |                            | 0.641                           |                    |                                                                 |                                  |                                     |                                  |
| Nếu tôi được cung cấp đầy đủ thông tin về vaccine Covid-19, tôi sẽ tiêm chủng.                                                    |                            |                                 | 0.735              |                                                                 |                                  |                                     |                                  |
| Tôi sẽ tiêm vaccine khi có người tôi biết đã tiêm.                                                                                |                            |                                 | 0.708              |                                                                 |                                  |                                     |                                  |
| Các bài báo tốt về tiêm chủng Covid-19 trên phương tiện truyền thông có ảnh hưởng tích cực đến việc chấp nhận tiêm chủng của tôi. |                            |                                 | 0.635              |                                                                 |                                  |                                     |                                  |
| Khi chính phủ tiêm chủng miễn phí, tôi sẽ tiêm chủng.                                                                             |                            |                                 | 0.624              |                                                                 |                                  |                                     |                                  |
| Tôi lo lắng về tính xác thực của vaccine Covid-19.                                                                                |                            |                                 |                    | 0.856                                                           |                                  |                                     |                                  |
| Tôi lo lắng về độ an toàn của vaccine Covid-19.                                                                                   |                            |                                 |                    | 0.828                                                           |                                  |                                     |                                  |
| Tôi lo lắng về việc bị lây nhiễm Covid-19 khi đi tiêm vaccine.                                                                    |                            |                                 |                    | 0.655                                                           |                                  |                                     |                                  |
| Tôi sẵn sàng tiêm vaccine Covid-19 bất kể điều gì.                                                                                |                            |                                 |                    |                                                                 | 0.763                            |                                     |                                  |
| Tôi không còn lo ngại và do dự về vaccine Covid-19.                                                                               |                            |                                 |                    |                                                                 | 0.756                            |                                     |                                  |
| Tôi sẵn sàng tiêm vaccine Covid-19 ngay cả khi tôi phải trả tiền vaccine.                                                         |                            |                                 |                    |                                                                 | 0.740                            |                                     |                                  |
| Tiêm vaccine Covid-19 sẽ làm gián đoạn các hoạt động sống của tôi.                                                                |                            |                                 |                    |                                                                 |                                  | 0.813                               |                                  |
| Tôi lo lắng rằng cuộc sống bình thường của tôi sẽ bị gián đoạn bởi các tác dụng phụ của vaccine Covid-19.                         |                            |                                 |                    |                                                                 |                                  | 0.761                               |                                  |
| Tiêm chủng giúp tôi ngăn nỗi sợ bị nhiễm Covid-19.                                                                                |                            |                                 |                    |                                                                 |                                  |                                     | 0.755                            |
| Tiêm chủng làm giảm nguy cơ bị nhiễm Covid-19 của tôi.                                                                            |                            |                                 |                    |                                                                 |                                  |                                     | 0.664                            |
| Vaccine có thể ngăn ngừa các biến chứng của Covid-19.                                                                             |                            |                                 |                    |                                                                 |                                  |                                     | 0.625                            |
| Hệ số Cronbach Alpha                                                                                                              | 0.792                      | 0.702                           | 0.729              | 0.760                                                           | 0.703                            | 0.689                               | 0.559                            |

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các kết quả xử lý dữ liệu khảo sát của phần mềm SPSS Statistics

**Hình 2: Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid của người dân (mô hình điều chỉnh)**



Nguồn: Tác giả tự tổng hợp từ các nghiên cứu trước và từ kết quả kiểm tra thang đo lường.

trong mô hình nghiên cứu và thực hiện phân tích hồi quy với các biến này và biến kiến thức đã trình bày trong phần trước. Kết quả phân tích hồi quy bội được tóm tắt trong Bảng 3, kết quả này cho thấy với mức ý nghĩa 0,05 mô hình có bốn biến nguyên nhân có ý nghĩa thống kê đến đến

biến kết quả Mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid. Đó là: Tín hiệu hành động, Nhận thức về sự nguy hiểm của bệnh, Rào cản về độ tin cậy vaccine và khả năng lây nhiễm khi tiêm, Nhận thức lợi ích của tiêm chủng. Với bốn biến nguyên nhân này, mô hình đã giải thích được 43,1% sự thay

đổi về Mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid của người dân.

Tín hiệu hành động là biến có ảnh hưởng mạnh nhất đến mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid ( $\text{Beta} = 0.542$ ). Biến có ảnh hưởng mạnh thứ nhì là Nhận thức lợi ích của tiêm chủng ( $\text{Beta} = 0.231$ ). Biến có ảnh hưởng mạnh thứ ba là Rào cản về độ tin cậy vaccine và khả năng lây nhiễm khi tiêm ( $\text{Beta} = -0.227$ ). Sau cùng là biến Nhận thức sự nguy hiểm của bệnh ( $\text{Beta} = 0.191$ ).

Để đảm bảo sự tin cậy của mô hình, các đánh giá sau đây được thực hiện:

- Các hệ số phóng đại phương sai (VIF) đều nhỏ hơn 5, do đó không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

- Hệ số  $d$  của Durbin Waston gần bằng 2, do đó phần dư không có tương quan chuỗi bậc nhất với nhau.

- Kiểm định Kolmogorov-Smirnov cho thấy phần dư của mô hình hồi quy có phân phối chuẩn. Giá trị thống kê kiểm định là 0,032 và mức ý nghĩa là 0,200 nên giả thuyết Ho phần dư

**Bảng 3: Kết quả phân tích hồi quy**

|                                                              | Hệ số chưa chuẩn hóa |                      | Hệ số chuẩn hóa | t                         | Sig.  | Đo lường đa cộng tuyến |       |
|--------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|-----------------|---------------------------|-------|------------------------|-------|
|                                                              | B                    | Sai số chuẩn         | Beta            |                           |       | Độ chấp nhận của biến  | VIF   |
| (Constant)                                                   | 4.021                | 0.165                |                 | 24.318                    | 0.000 |                        |       |
| Kiến thức về Covid                                           | -0.143               | 0.17                 | -0.047          | -0.84                     | 0.402 | 0.861                  | 1.162 |
| Tín hiệu hành động                                           | 0.349                | 0.034                | 0.542           | 10.321                    | 0.000 | 0.992                  | 1.008 |
| Nhận thức nguy cơ mắc bệnh                                   | 0.051                | 0.034                | 0.079           | 1.497                     | 0.136 | 0.977                  | 1.023 |
| Nhận thức sự nguy hiểm của bệnh                              | 0.123                | 0.035                | 0.191           | 3.512                     | 0.001 | 0.921                  | 1.086 |
| Rào cản về độ tin cậy vaccine và khả năng lây nhiễm khi tiêm | -0.146               | 0.034                | -0.227          | -4.267                    | 0.000 | 0.967                  | 1.034 |
| Nhận thức lợi ích của tiêm chủng                             | 0.15                 | 0.034                | 0.231           | 4.412                     | 0.000 | 0.995                  | 1.005 |
| Rào cản về tác dụng phụ của vaccine                          | -0.061               | 0.034                | -0.095          | -1.803                    | 0.073 | 0.991                  | 1.009 |
| Durbin Waston = 1.906                                        |                      | Kiểm định F = 23.500 |                 | R bình hiệu chỉnh = 0.431 |       |                        |       |

Biến kết quả : Mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các kết quả xử lý dữ liệu khảo sát của phần mềm SPSS Statistics



có phân phối chuẩn được chấp nhận.

- Kiểm định Goldfeld-Quandt cho thấy phần dư của mô hình hồi quy không có hiện tượng phương sai thay đổi. Tác giả chạy hồi quy giữa biến logarith cơ số tự nhiên của phần dư bình phương với biến độc lập là biến giá trị lý thuyết của biến phụ thuộc mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid trong mô hình nghiên cứu. Phương trình hồi quy này cũng không có ý nghĩa thống kê.

Phân tích ANOVA và T-test cho thấy Mức độ chấp nhận tiêm ngừa Covid của người dân không bị ảnh hưởng bởi những yếu tố nhân khẩu học như giới tính, độ tuổi, học vấn và nơi ở (thành phố Nha Trang và huyện Vạn Ninh).

## 5. Kết luận

### 5.1 Ý nghĩa của nghiên cứu

Trong bối cảnh nghiên cứu hiện tại, việc hiểu các nguyên nhân dẫn đến người dân chấp nhận tiêm ngừa Covid là điều

cấp thiết. Nghiên cứu đã thành công trong việc khám phá các nhân tố ảnh hưởng và kết quả có thể trở thành cơ sở cho các giải pháp tuyên truyền và truyền đạt đến người dân nhằm tăng mức độ chấp nhận tiêm ngừa không những trong đại dịch lần này mà có thể áp dụng cho những đại dịch không may xảy ra trong tương lai giúp công tác phòng chống dịch bệnh được thuận lợi hơn.

### 5.2 Khuyến nghị

Tín hiệu hành động là yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất nên các biện pháp cần tập trung vào yếu tố này. Để người dân hưởng ứng tiêm chủng thì cần cung cấp thông tin đầy đủ về vắc xin, có nhiều bài báo nói về tiêm chủng trên phương tiện truyền thông, và nên vận động những người đã tiêm như những tuyên truyền viên về việc tiêm vaccine. Lợi ích của việc tiêm chủng là yếu tố có ảnh hưởng lớn thứ nhì. Bên cạnh việc đưa thông tin đầy đủ về vắc xin và hình ảnh minh họa

về những người đã tiêm đang có sức khỏe tốt, cần thông tin tuyên truyền về những lợi ích thiết thực của việc tiêm chủng vắc xin.

Rào cản về độ tin cậy vaccine và khả năng lây nhiễm khi tiêm là yếu tố ảnh hưởng mạnh thứ ba. Chính quyền cần truyền thông nhất quán và rõ ràng về chất lượng vắc xin và công tác tổ chức tiêm vắc xin đảm bảo an toàn cho người dân đến tiêm. Đối với những người có ý chống đối và cố tình tung tin sai sự thật về việc tiêm vaccine cũng như là dịch bệnh, chính quyền nên làm việc và có thể phạt hành chính hoặc có biện pháp xử lý nghiêm khắc. Điều này giúp giúp răn đe và khắc phục được thực trạng người dân bị hoang mang về việc tiêm vaccine khi có những tin đồn trên mạng xã hội. Chính phủ cần cung cấp những thông tin cần thiết về dịch bệnh như: sự lan truyền nhanh chóng của dịch bệnh, trong phạm vi nhất định việc hắt hơi có thể gây lây

nhằm, giao tiếp không đeo khẩu trang khả năng lây nhiễm cũng rất cao, dịch bệnh ảnh hưởng đến cơ thể con người nghiêm trọng như thế nào, ví dụ như gây ra các hiện tượng như cơ thể mệt mỏi, kiệt sức, khó thở, mất vị giác và khứu giác,...nghiêm trọng hơn là gây tử vong đủ khiến người dân cảm thấy lo ngại về sự nguy hiểm của dịch Covid-19 và từ đó người dân sẽ xem xét về việc tiêm vaccine vì những lợi ích mà nó mang lại. Lợi ích đầu tiên là người dân có thể đi lại dễ dàng hơn khi có giấy tiêm vaccine, việc tiêm vaccine không có khả năng giúp cơ thể kháng bệnh mà có khả năng làm hạn chế những triệu chứng của Covid, giúp sức đề kháng mạnh hơn và dễ dàng lướt qua, khả năng lây lan của dịch bệnh cũng từ đó mà giảm sút giúp cho mọi người trở lại cuộc sống bình thường; ngoài ra, người dân cần được cung cấp những thông tin về vaccine như là tên vaccine, nguồn gốc sản xuất, tác dụng phụ sau khi tiêm... để họ có thể nắm bắt rõ hơn và tin tưởng nguồn vaccine mình sắp được tiêm. Chính phủ cần tuyên truyền việc tiêm chủng, dịch bệnh cụ thể là tuyên truyền những thông tin cần thiết như đã đề cập ở trên qua phương tiện truyền thông vì thực tế hầu như người dân đều theo dõi tin tức qua mạng xã hội, truyền hình, do đó họ bị ảnh hưởng rất lớn đến những thông tin được đưa lên, tại những vùng điều kiện kinh tế khó khăn, người dân không có tivi thì bộ phận thôn, xã, ấp...nên tuyên truyền hàng ngày bằng loa phát thanh để đảm bảo người dân trên cả nước đều được cung cấp thông tin đầy đủ.

### 5.3 Hạn chế của nghiên cứu và hướng phát triển tiếp theo

Vì mẫu nghiên cứu là mẫu thuận tiện và được thu thập trong khoảng thời gian ngắn nên khó biết được mức độ đại diện cho tổng thể muốn nghiên cứu. Ngoài ra, do tình hình thực tế nên tác giả chỉ có thể dùng Google biểu mẫu để khảo sát online nhằm thu thập số liệu kịp thời, điều đó khiến cho đối tượng mà nghiên cứu tiếp cận không được chất lượng. Các nghiên cứu trong tương lai cần lấy mẫu đại diện hơn và mở rộng phạm vi nghiên cứu hơn để kết quả nghiên cứu được khách quan hơn.

Nghiên cứu còn hạn chế ở việc đã bỏ qua biến về “Áp lực công việc”, thực tế cho thấy tình hình dịch bệnh kéo dài khiến cho nhiều người trở nên khó khăn về tài chính và họ nôn nóng được đi làm. Nhưng trở ngại khi đi từ vùng này sang vùng khác là cần các loại giấy tờ như: giấy tiêm vaccine, giấy test Covid âm tính,... do đó, việc tiêm vaccine đối với họ không đơn thuần là bảo vệ sức khỏe nữa mà còn là được đi làm. Vì vậy, biến “Áp lực công việc” là một biến tiềm năng cho mô hình mà nghiên cứu đã bỏ sót. Các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng nghiên cứu thêm biến “Áp lực công việc” để giúp lực lượng phòng chống xác định được các yếu tố quan trọng nhằm triển khai công tác trong việc nâng cao mức độ chấp nhận tiêm ngừa của người dân●

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Abraham Charles, Paschal Sheeran. (2015). *The Health Belief Model in Predicting and Changing Health Behavior*. [https://www.researchgate.net/publication/290193215\\_The\\_Health\\_Belief\\_Model](https://www.researchgate.net/publication/290193215_The_Health_Belief_Model) [Truy cập ngày 06/08/2021].

- Ajen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211.
- Bản tin Covid-19 ngày 30/8: 14.224 ca mới tại Hà Nội, TP HCM và 39 tỉnh. Tại địa chỉ: <https://covid19.gov.vn/ban-tin-Covid-19-ngay-30-8-14224-ca-moi-tai-ha-noi-tp-hcm-va-39-tinh-1717456284.htm> [Truy cập ngày 14/10/2021].
- Becker, M.H., Haefner, D.P. and Maiman, L.A. (1977). The health belief model in the prediction of dietary compliance:a field experiment. *Journal of Health and Social Behaviour*, 18(4), 348-66.
- Bernard Gonik. (2006). *Strategies for Fostering HPV Vaccine Acceptance. Infectious Diseases in Obstetrics and Gynecology*. <https://downloads.hindawi.com/journals/ido/2006/036797.pdf> [Download ngày 22/08/2021].
- Hilyard, Karen M.; Quinn, Sandra Crouse; Kim, Kevin H.; Musa, Don; Freimuth, Vicki S. (2014). Determinants of Parental Acceptance of the H1N1 Vaccine. *Health Education & Behavior*, 41(3), 307-314.
- Janz, N. and Becker, M.H. (1984). The health belief model: a decade later. *Health Education Quarterly*, 11(1), 1-47.
- Mohamed NA, Solehan HM, Mohd Rani MD, Ithnin M, Che Isahak CI. (2021). *Knowledge, acceptance and perception on Covid-19 vaccine among Malaysians: A web-based survey*. PLoS ONE 16(8): e0256110. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0256110> [Truy cập ngày 06/08/2021].
- Nguyễn Thị Phương Thảo. (2018). *Các yếu tố tác động đến quyết định tiêm phòng vaccine ngừa ung thư cổ tử cung tại TP.HCM*. Luận văn thạc sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- Walker, A. N., Zhang, T., Peng, X. Q., Ge, J. J., Gu, H., & You, H. (2021). Vaccine Acceptance and Its Influencing Factors: An Online Cross-Sectional Study among International College Students Studying in China. *Vaccines*. 9(6), 585.